

BIẾN THIÊN CỦA GIA ĐÌNH VÀ CHỮ HIẾU

HÀ THỨC MINH^(*)

Phương Đông, nói đến gia đình mà không nói đến chữ “hiếu” thì coi như chưa nói gì về gia đình. Chữ “hiếu” 孝 xem ra quá quen thuộc đối với phương Đông, đối với khu vực văn hóa Nho giáo, đối với người Việt Nam. “Văn hóa chữ hiếu” đã trở thành truyền thống văn hóa dân tộc không biết từ bao giờ.

Chữ “hiếu” 孝 vốn là một phạm trù cơ bản của Nho giáo. Nếu bỏ chữ “hiếu” đi thì Nho giáo chẳng còn là Nho giáo nữa. Vì cốt lõi của học thuyết Nho giáo là chữ “nhân” 仁, “nhân”⁽¹⁾ có nghĩa là “thương người”. “Phản Trì hỏi thế nào gọi là nhân. Khổng Tử đáp: thương người!” (Phản Trì vấn nhân, Tử viết: ái nhân, *Luận ngữ, Nhan Uyên*, 樊迟问仁, 子曰爱人). “Nhân là thương người” (nhân giả ái nhân, *Mạnh Tử, Ly Lôu thượng* 仁者爱仁). Con người không sống với nhau thì sống với ai đây? Nhưng quan hệ giữa người với nhau quả là phức tạp, nan giải. Cạnh tranh sinh tồn là quy luật của sinh vật, chẳng lẽ con người cũng vậy sao? Không biết trong tương lai xa xôi sẽ như thế nào, nhưng hiện nay, dù có thừa nhận hay không,

quy luật của kinh tế thị trường vẫn là “mạnh được yếu thua”. Ai mạnh thì người đó tồn tại, ai yếu thì kẻ đó bị loại, chỉ có thế thôi. Như vậy thì “thương người” không biết nên đặt ở đâu cho thích hợp đây? Cho nên triết lý sống của kinh tế thị trường hiện nay và của *truyền thống* văn hóa đạo đức phương Đông thường theo hai hướng khác nhau. Có lẽ cũng không phải là vô lý nếu có ai đó cho rằng “tình thương”, “nhân ái” và nhất là chữ “hiếu” chính là đặc điểm của văn hóa phương Đông, phương Tây chẳng tìm thấy văn hóa chữ “hiếu” ở đâu cả. Phương Tây cũng nói đến “bác ái” (Fraternity), nhưng “bác ái” của phương Tây không quy định phạm vi xa gần dựa vào huyết thống của “ái” như Nho giáo phương Đông. Mạnh Tử giải thích rất rõ: “Thực chất của học thuyết “nhân” là phụng dưỡng cha mẹ” (Nhân chi thực, sự thân thị dã, *Mạnh Tử Ly lôu thượng* 仁之实, 事亲是也). Tuy nhiên, “ái” (Love) của Cơ Đốc giáo cũng phân biệt “tình thương” của Chúa đối với con người (“Thánh ái”, tiếng Hy Lạp là agapa) và “tình thương” của con người với nhau (“tính ái”, tình yêu nam nữ⁽²⁾, eros và “hữu ái”, filia, tình yêu bạn bè). “Tình thương” mọc lên từ mảnh đất “tội lỗi”, *Kinh Thánh* gọi là “tội tổ tông” (Original Sin). “Tội” này có từ đời ông

(*) Ủy viên Hội đồng khoa học Học viện Chính trị Hành chính Khu vực II; Cố vấn danh dự cao cấp Hội truyền bá Nho học toàn thế giới (Trung Quốc).

Adam và bà Eve và trở thành bất biến không sao khắc phục nổi. Ông Mạnh Tử không bao giờ quan niệm rằng tổ tiên của mình lại có “tội” (ác), ngược lại còn cho rằng con người sinh ra bản tính là “thiện” (Mạnh Tử đạo tính thiện, *Mạnh Tử, Đằng Văn Công thượng 孟子道性善*). Cho dù Tuân Tử có cho rằng bản tính con người là “ác” đi nữa thì theo ông vẫn có thể tu dưỡng trở thành thiện được cơ mà! (Nhân chi tính ác, kỳ vi thiện giả, ngục dã, *Tuân Tử, Tính ác luận 人之性惡, 其为善者伪也*)⁽³⁾. Ở phương Tây, khi lịch sử sang trang, kinh tế thị trường phát triển, dân tộc hình thành, cá nhân trở thành trung tâm (individualism), ý thức huyết thống dần dần bị bốc hơi, chữ “hiếu” nếu có, cũng chỉ còn lại “tình thân yêu” mà thôi. Trong khi xã hội phương Tây trở thành “xã hội thị dân” (civil society), nghĩa là xã hội chủ yếu dựa vào quan hệ kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, thì xã hội phương Đông vẫn còn ngủ yên ở cái gọi là “xã hội quân tử” (sage society). Nghĩa là quan hệ xã hội chủ yếu vẫn dựa vào chuẩn mực đạo đức. Chữ “hiếu” tạo thành điểm khác biệt giữa hai loại hình văn hóa như vậy, cho nên Max Weber cho rằng khó có thể dịch chữ “hiếu” sang một từ nào của ngôn ngữ phương Tây cho chính xác, tốt nhất là chỉ nên phiên âm chứ không nên dịch làm gì để khỏi hiểu nhầm⁽⁴⁾.

Chữ “hiếu” gắn liền với gia đình. Thực ra, gia đình là sản phẩm lịch sử của nhân loại chứ đâu của riêng gì phương Đông hay phương Tây. Mẫu hệ, phụ hệ, gia đình... đâu mà chẳng có, quan hệ huyết thống, tình thương máu mủ ruột thịt đâu mà chẳng cần. Nhưng đặc điểm văn hóa khác nhau, cho nên phương Đông có chữ “hiếu” của

phương Đông, còn phương Tây cũng có cái gọi “hiếu” của phương Tây.

Chữ “hiếu” không phải do ông Khổng Tử sáng tạo ra. Nó xuất hiện rất sớm trong bốc tử, giáp cốt thời Ân-Thương, khoảng thế kỷ XII trước công nguyên. Nhưng quan niệm về cái gọi là “hiếu” có lẽ hình thành sớm hơn, vào khoảng cuối của xã hội nguyên thủy, từ giai đoạn mẫu hệ chuyển sang phụ hệ. Nhà Hạ, nhà Thương quản lý xã hội dựa vào thần linh là chủ yếu (“quỷ trị” 鬼治 chứ không phải “nhân trị” 人治) cho nên quan niệm về “hiếu” chưa hình thành rõ rệt. Chu Dư Đồng gần nửa thế kỷ nghiên cứu về chữ “hiếu” cổ đại, phát hiện chữ “hiếu” là tượng trưng của quan niệm phần thực cổ xưa. Đó là hình tượng quan hệ nam nữ ở bên trên và kết quả của nó là “quý tử” bên dưới. Nào ngờ Nho giáo của những bậc hiền nhân quân tử “văn chất bản bản” lại xuất phát từ cái “trần tục” đến như vậy. Người ta hiện còn lưu trữ bút tích của Chu Hy về chữ “hiếu”. Chữ “hiếu” mà Chu Hy viết để lại cho con cháu đời sau, được bình giải rằng bên tả của chữ “hiếu” là hình người con đang quỳ lạy cha mẹ, tổ tiên, còn bên hữu là hình con khỉ đang vung chân múa tay xem thường những ai sinh ra nó. Chắc ông Chu Hy cũng không ngờ rằng chỉ một nét bút thôi mà con cháu rút ra được nhiều ý tứ sâu xa như vậy.

Chữ “hiếu” ở
Giáp cốt

Chữ “hiếu” phỏng theo
bút pháp của Chu Hy

Công của Chu Dư Đồng là tìm ra cội nguồn của chữ “hiếu” thiêng liêng, tuy rằng ban đầu nó cũng hơi “trần tục”. Nhưng cũng

chớ có xem thường cái “trần tục”, bởi vì nếu không có nó thì cả loài người văn minh lẫn loài vật ngu dốt cũng chẳng thể nào sinh ra cũng như chẳng thể nào duy trì được nòi giống. Ai mà chẳng biết đó cũng là lẽ tự nhiên mà thôi, có gì ghê gớm đâu! Nghĩa là từ thuở khai thiên lập địa đến nay, ai cũng phải như vậy kia mà! Cho nên cái “tự nhiên” được đồng nghĩa với cái “tất nhiên”. Lão Tử cũng thừa nhận rằng “người phỏng theo đất, đất phỏng theo trời, trời phỏng theo đạo, đạo mô phỏng chính nó” (nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên). “Đạo” chẳng phải là “tất nhiên” và cũng là “tự nhiên” đó sao? Không có học thuyết nào trên đời lại không muốn dựa vào cái “tự nhiên” để trở thành “tất nhiên” cả. Nho giáo cũng vậy thôi. “Yêu” trở thành điều kiện sống còn và đồng thời cũng là nội dung chủ yếu của Nho giáo. Tình thương giữa cha mẹ và con cái là tình thương “gốc” của tình thương. Mọi tình thương khác đều từ đó mà ra. Trong tự nhiên, ngay cả loài vật đi nữa hầu như chẳng có mẹ nào mà chẳng biết thương con. Loài vật cũng như vậy hướng hồ là con người. Chẳng lẽ con người lại thua kém cả con vật sao? Cho nên cha mẹ thương con cũng như “nước mắt chảy xuôi” là lẽ tự nhiên, đâu cần phải nói nhiều. Nhưng loài vật thì chỉ có mẹ biết thương con chứ con thì chẳng biết thương mẹ gì cả. Mẹ cũng chẳng biết thương thì làm sao có thể thương cha được, hướng hồ lắm lúc nó cũng chẳng biết cha nó là ai. Con người thì khác, có khác thì mới là con người. Mẹ thương con, điều đó con vật và con người đều có, nhưng con thương mẹ thì chỉ con người mới có. Đến chế độ phụ hệ thì con không chỉ

thương mẹ mà còn “phải” thương cha. Lễ giáo quy định “hiếu” là theo chiều từ dưới lên chứ không phải từ trên xuống, quy định tình thương và nghĩa vụ của con đối với cha mẹ chứ không phải của cha mẹ đối với con. Điều đó khác với loài vật, cho nên cái gọi là “người” cũng chính là ở đây. Con người vốn là tự nhiên cho nên phải theo tự nhiên, đồng thời phải “tách” khỏi tự nhiên, để tự hoàn thiện chính mình. Đó là cơ sở triết lý của chữ “hiếu”, phạm trù cơ bản của đạo đức Nho giáo nói riêng, của cả học thuyết Nho giáo nói chung. Quan niệm về chữ “hiếu” được định hình có lẽ từ thời Tây Chu⁽⁵⁾. Theo thống kê, trong *Kinh thi* đã có 37 thiên nói về chữ “hiếu” (chiếm hơn 1/10 số lượng. *Hiếu kinh*⁽⁶⁾ 孝经 ở đời Hán được xem là một trong 7 kinh điển quan trọng, ở đời Tống là một trong “thập tam kinh” của Nho giáo. *Hiếu kinh* hình thành từ cuối thời Tần, là một bộ kinh điển hoàn chỉnh về chữ “hiếu”. Nghe đâu tác giả của nó là những đệ tử của Tăng Tử sơ tầm, chính lý, gồm 2 quyển, chia thành 18 chương, tổng cộng chưa đến 2.000 chữ. *Hiếu kinh* đã “tập đại thành” quan niệm về “hiếu” của Nho giáo thời Xuân thu, Chiến quốc trước đó, đồng thời mở rộng chữ “hiếu” đạo đức thành chữ “hiếu” chính trị (di hiếu ư trung 移孝于忠) một cách có hệ thống. “Hiếu” là cái gốc của đạo đức (phù hiếu, đức chi bản dã 夫孝德之本也), đạo đức lại là cái gốc của chính trị. Tinh thần chủ yếu của *Hiếu kinh* là lấy “hiếu quản lý xã hội” (hiếu trị thiên hạ 孝治天下). Tôn Trung Sơn đánh giá rất cao *Hiếu kinh*:

“Chữ hiếu mà *Hiếu kinh* đã thuyết giảng, rất đầy đủ, bao gồm tất cả mọi thứ trong

đó” (*Tam dân chủ nghĩa, Dân tộc chủ nghĩa*).

Thực ra ngay từ đầu chữ “hiếu” đạo đức không phải đã có quan hệ mật thiết với chữ “trung” chính trị như ở *Hiếu kinh*. Quan niệm về chữ “hiếu” thay đổi theo quá trình chuyển biến “rùa bò” của xã hội nông nghiệp phương Đông. Nhưng dấu thay đổi như thế nào đi nữa thì điểm xuất phát của nó cũng bắt đầu từ quan hệ “huyết thống” 血统 (consanguinity). Nho giáo kêu gọi hãy thương yêu tất cả mọi người (tử hải giai huynh đệ) nhưng tình thương phải có độ đậm nhạt, xa gần phụ thuộc vào quan hệ huyết thống gần hay xa. Quan hệ huyết thống gần nhất là quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Cho nên chữ “hiếu” trở thành cốt lõi của chữ “nhân” cũng là lẽ đương nhiên (hiếu để đã giả kỳ vi nhân chi bản dư, *Luận ngữ, Vi chính 孝弟也者其为仁之本与*). Như vậy, “nhân” 仁 là Nho giáo được rút gọn và “hiếu” lại là “nhân” được rút gọn. Phan Bội Châu giải thích khá rõ ràng: “Vì sao mà nói “hiếu để đã giả kỳ vi nhân chi bản”? Bởi vì đức nhân là cốt ở yêu người, nhưng mà yêu người, há phải bỗng chốc mà yêu hết được người ư? Tất trước phải yêu từ người trong nhà mình mà yêu ra, yêu cha mẹ, yêu anh em, tuy không phải là hết được phân lượng chữ nhân, nhưng mà lúc ban đầu làm nhân, tất cội gốc từ chốn ấy trước, nên nói hiếu để là cái cội gốc đầu hết làm việc nhân. Nếu có hạng người không thương cha mẹ mà bất hiếu, không thương anh em mà bất đễ, mà vội nói rằng thương loài người, thương thế giới, quyết không có lẽ ấy!” (Phan Bội Châu, 1957, tr. 153-154).

Thực ra “tình thương” hay là “thương người như thể thương thân”... đã trở thành lẽ sống hết sức tự nhiên, là điều mà dân tộc Việt Nam đã có từ bao đời, chẳng cần phải “nhập khẩu” ở đâu cả. Bởi vì không có nó thì dân tộc Việt Nam đâu còn có thể tồn tại đến ngày hôm nay. Chữ “hiếu” của Nho giáo đã “cộng hưởng” với lòng nhân ái vốn có của người Việt Nam để trở thành đặc điểm của truyền thống văn hóa dân tộc. Người Việt Nam chẳng bài xích ai cả, xu hướng “trung dung” hình như chiếm ưu thế hơn là xu hướng cực đoan. Lịch sử dân tộc Việt Nam chẳng đã thoát thai từ thần thoại chiếc bọc trăm trứng mà đến nay vẫn còn gọi là “đồng bào” đó sao? Vua Hùng chẳng phải là người “đầu có công dựng nước”, là cội nguồn, là Tổ tông của người Việt Nam đó sao? Cho dù từ Bắc chí Nam, trong nước, ngoài nước... làm sao mà quên được:

Dù ai đi ngược về xuôi,

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba,

Dù ai buôn bán gần xa,

Nhớ ngày giỗ Tổ tháng ba mừng mười.

Tình đồng bào, máu mủ ruột thịt nặng tựa nghìn cân. “Máu chảy ruột mềm”, “một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “chị ngã em nâng”... có từ xưa đến giờ và sẽ còn mãi mai sau.

Ngay từ đời Lý, hàng năm các quan trong triều đều phải đến miếu Đổng Cổ để tuyên thệ “làm con bất hiếu làm tôi bất trung thì sẽ bị trời tru đất diệt” (vi tử bất hiếu, vi thần bất trung, thần minh cực chi). Như vậy là chữ “hiếu” đạo đức đã bắt đầu gắn với chữ “trung” chính trị. Nhưng hình như vẫn chưa được pháp luật “công chứng”, chưa được vương quyền thể chế hóa mà chỉ mới

dựa vào thần linh, thần quyền yểm trợ. Sử chép thời Lý Trần cũng đã ban hành những bộ luật như *Hình thư* (1042), *Quốc triều thông chế* (1230), *Hoàng triều đại điển* (1341)... nhưng đều thất lạc. Cho nên chẳng biết chữ “hiếu” đã được “luật hóa” thành văn bản hay chưa. Có điều là còn tổ chức “thề thốt” thì e rằng luật cũng chẳng thành văn. Hơn nữa cũng giống như nhà Đường ở Trung Quốc, ảnh hưởng của Phật giáo thời Lý, Trần không hề kém Nho giáo, cho nên chữ “hiếu” cũng khó được luật hóa. Đến thời Lê, khi bộ *Luật Hồng Đức* ra đời thì “hiếu” mới chính thức luật hóa. Chẳng trách Phan Huy Chú “chê” hết những luật đời trước, chỉ thừa nhận *Luật Hồng Đức* mới là “cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân”. *Luật Hồng Đức* quy “bất hiếu” là một trong mười tội ác lớn nhất (thập ác)⁽⁷⁾. *Luật Gia Long* sau này vẫn giữ nguyên điều luật “thập ác” của *Luật Hồng Đức*. Huyết thống vẫn là cơ sở của cả hai bộ luật. Chấp pháp tối thiểu phải tuân thủ theo 2 nguyên tắc: thứ nhất là con cháu phải che dấu tội lỗi cho cha mẹ, ông bà (trừ tội phản nghịch). Chẳng hạn *Luật Hồng Đức*, điều thứ 40 quy định: “Con cháu tố cáo ông bà cha mẹ, nô tỳ tố cáo chủ, dù bề trên có tội lỗi gì cũng đều bị xử tội lưu đi châu xa. Vợ tố cáo chồng cũng bị tội trên. Tố cáo ông bà ngoại, cha mẹ và ông bà cha mẹ về bậc tôn trưởng vào hàng cơ thân của chồng... dấu việc có thật cũng phải tội biếm hay tội đồ. Nếu là tội mưu phản đại nghịch hay là mẹ dích mẹ kế, mà giết cha, cha mẹ nuôi giết con đẻ thì cho phép tố cáo...”.

Con cháu che giấu tội lỗi cho cha mẹ, ông bà đã được đưa vào *Hình luật* đời Hán (206 trước công nguyên 220), gọi là “thân thích

che dấu tội lỗi cho nhau” (thân thân đắc tương thủ nặc).

Người ta cho rằng đó là điểm khác biệt cơ bản của luật dựa vào chữ “hiếu” huyết thống và pháp trị thời Tiên Tần.

Thứ hai là huyết thống càng gần thì nếu như “bề trên” phạm tội thì xử nhẹ, ngược lại bên dưới phạm tội xử nặng; huyết thống càng xa thì nếu như “bề trên” phạm tội thì xử nặng, bên dưới phạm tội xử nhẹ hơn.

Điều luật gọi là “thập ác” trong *Luật Hồng Đức* và *Luật Gia Long* là phỏng theo điều luật “thập ác” đầu tiên được quy định ở *Hình luật* thời Bắc Tề (550-577). Như vậy là khoảng một nghìn năm sau “bất hiếu” trở thành một trong mười tội ác lớn nhất (thập ác) mới “chính thức” vào Việt Nam. Nếu như nhận xét của Chương Thái Viêm “tội bất hiếu đã có từ đời nhà Hạ” là đúng⁽⁸⁾ thì khoảng cách quả là quá xa.

Triều Nguyễn nổi tiếng về *Bộ Luật Gia Long* đã đành mà còn nổi tiếng về vị vua Tự Đức hiếu thảo “xưa nay ít có” (lời bình của Thân Trọng Huề). Mẹ dạy câu nào cũng cẩn thận ghi chép, đóng lại thành cuốn sách gọi là “Từ huấn lục”⁽⁹⁾. Từ chuẩn mực “hiếu” thiên kinh địa nghĩa này, Tự Đức xem xét, đánh giá các học thuyết trên đời. Không thể nào thừa nhận là “đạo” nếu cái gọi là “đạo” đó không nói gì đến chữ “hiếu”. Trong *Đạo biện*, Tự Đức chỉ công nhận Nho giáo mới gọi là “đạo” còn các giáo lý khác chẳng giáo lý nào đáng được gọi là “đạo” cả: “Thế là đạo chỉ có một mà thôi. Còn như đạo Lão, đạo Thích, đạo Gia Tô... chỉ là do một số người tự tôn lên, chứ không phải là đạo” Nào ngờ vị vua hiếu thảo này lại còn “bảo thủ” hơn cả Khổng Tử hai nghìn năm trước! Khổng Tử khuyên

mọi người rằng “đạo mà khác nhau thì không thể cùng nhau bàn bạc gì được” (đạo bất đồng bất tương vi mưu, *Luận ngữ, Vệ Linh Công* 道不同不相为谋). Không thể bàn bạc với “đạo” khác chứ không phải chỉ có mình mới là “đạo”. Khổng Tử cũng “thoảng” đấy chứ?

Chữ “hiếu” thế kỷ XIX khác xa chữ “hiếu” trước công nguyên. Thực ra chữ “hiếu” lúc đầu chỉ là thể hiện tín ngưỡng phồn thực, mong muốn duy trì nòi giống như đã nói ở trên. Cho nên chữ “hiếu” vốn là yêu cầu của bộ tộc chứ không phải của gia đình. Sự tồn tại của bộ tộc cao hơn hết. Từ bộ tộc đến gia đình là một bước tiến của xã hội. Nội dung chủ yếu của “hiếu” là thờ kính cha mẹ mãi về sau mới có. “Hiếu” không phải lúc nào cũng nói về quan hệ cha mẹ, con cái. *Lễ ký* chép: “Chặt một cái cây, giết một con thú không đúng lúc cũng không phải là hiếu” (Đoạn nhất thụ, sát nhất thú, bất dĩ kỳ thời, phi hiếu dã). “Đối với bạn mà không giữ chữ tín cũng không phải là hiếu” (Bằng hữu bất tín phi hiếu dã, *Lễ ký, Tế nghĩa*)... Như vậy, “hiếu” lúc đầu không phải chỉ là yêu cầu về đạo đức của con cái đối với cha mẹ trong gia đình. Về sau, khi gia đình phụ hệ hình thành thì nội dung chủ yếu của chữ “hiếu” không gì khác hơn là “phụng dưỡng cha mẹ” (Sách *Thuyết văn* chép: hiếu, thiện sự phụ mẫu giả 孝善事父母者. Sách *Nhĩ nhĩ* cũng cắt nghĩa: thiện phụ mẫu vi hiếu 善父母为孝). “Hiếu” với cha mẹ có nhiều mức độ khác nhau, Tăng Tử chia “hiếu” thành ba loại: tiểu hiếu, trung hiếu và đại hiếu (*Lễ ký, Tế nghĩa*). Mạnh Tử cũng nói đến “đại hiếu”, nhưng không giống như Tăng Tử: “Vua Thuấn thờ phụng cha mẹ trọn đạo làm con, làm cho cha là

Cổ Tẩu rất vui vẻ. Cổ Tẩu vui vẻ cho nên đã cảm hóa mọi người trong thiên hạ. Cổ Tẩu vui vẻ cho nên những người làm cha làm con trong thiên hạ được an lòng. Như vậy gọi là đại hiếu” (Thuấn tận sự thân chi đạo nhi Cổ Tẩu đắc dự. Cổ Tẩu đắc dự nhi thiên hạ hóa. Cổ Tẩu đắc dự nhi thiên hạ chi vi phụ tử giả định, thử chi vi đại hiếu, *Mạnh Tử, Ly lâu thượng*). Nguyễn Phi Khanh cũng nói đến “tiểu hiếu”, “đại hiếu”, nhưng “đại hiếu” mà ông khuyên Nguyễn Trãi là “hiếu” với Tổ quốc, với giang sơn đất nước. “Hiếu với dân” mà Hồ Chí Minh đề cập đến cũng chính là “đại hiếu”. Còn “đại hiếu” của Mạnh Tử cũng là mở rộng chữ “hiếu” từ quan hệ trong một gia đình ra nhiều gia đình. Nhưng khi chú thích câu trên, Chu Hy trong *Tập chú* đã thuyết giải rằng “đại hiếu” chính là làm cho chế độ phụ quyền trở thành tuyệt đối, con cái phải phục tùng cha mẹ vô điều kiện (Kim Lương Niên, 1995, tr. 167).

“Hiếu” vốn là tình cảm tự nhiên trở thành “ngu hiếu”. Thực ra “ngu hiếu” là nhằm tạo một bước chuyển biến sang “ngu trung”. Chế độ phụ quyền cho dầu được xem trọng đi nữa, âu cũng chỉ là phương tiện, là tiền đề, vương quyền mới là mục đích, là điểm đến. Nói cách khác “hiếu” 孝 phải được mở rộng thành “trung” 忠 (đi hiếu tác trung). “Hiếu” vốn là tín ngưỡng phồn thực, gần với tự nhiên, còn “trung” thuộc về chính trị-xã hội, xa tự nhiên hơn. Thực ra cũng như chữ “hiếu”, chữ “trung” thuở ban đầu đâu phải là trung với vua. Tăng Tử quan niệm rằng “cố gắng hết mình gọi là trung” (Tận kỹ chi vi trung 尽己之谓忠). Sách *Thuyết văn* giải thích: “Trung tức là thái độ tôn kính” (Trung, kính

dã 忠, 敬也). “Trung” vốn không phải là yêu cầu thuộc về chính trị, mà chỉ là biểu hiện từ bên trong của phẩm chất đạo đức về quan hệ giao tiếp đời thường mà thôi. Tăng Tử nói: “Đối với vua mà bất trung cũng không phải là hiếu” (Sự quân bất trung, phi hiếu dã, *Lễ ký, Tế nghĩa*). Như vậy xem ra chữ “hiếu” vào thuở ban đầu có vẻ “nặng ký” hơn chữ “trung”. Tư liệu *Sở giản* ở Quách Điểm được phát hiện gần đây ở Trung Quốc, ghi chép quan niệm về chữ “hiếu” của người nước Sở không những không giống như quan niệm truyền thống của Nho giáo, nhất là Tống Nho, mà còn ngược lại là đấng khác. Người nước Sở tuyên bố sẵn sàng “vì cha bỏ vua, chứ không vì vua bỏ cha” (vị phụ tuyệt quân bất vị quân tuyệt phụ, *Quách Điểm Sở giản Lục đức thiên* 为父绝君不为君绝父, 郭店楚简, 六德篇). Để thuyết minh thêm về điều đó, người ta cho rằng ngay *Thuyết quái* trong *Chu Dịch* cũng đặt quan hệ cha con trước quan hệ vua tôi: “Có trời đất rồi mới có vạn vật, có vạn vật rồi mới có nam nữ, có nam nữ rồi, mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có cha con, có cha con rồi mới có vua tôi” (Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ, hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ, hữu phu phụ nhiên hậu hữu quân thần). *Hiếu kinh* cũng thừa nhận rằng “đạo cha con là lẽ tự nhiên” (Phụ tử chi đạo, thiên tính dã, 父子之道, 天性也). Như vậy “hiếu” cũng như “trung” vốn là của ông làm ruộng, bà bán rau, dần dần biến thành thể chế đạo đức-chính trị nhằm củng cố cho chế độ đẳng cấp vương quyền. “Lộc” vua từ trên cao ban xuống, ông làm ruộng bà bán rau có mỗi cả mắt

cũng chẳng thấy đâu, nhưng ngược lại thì không lúc nào được xa rời chữ “hiếu” chữ “trung” thiêng liêng nhập tâm từ thuở còn thơ.

Dựa theo tự nhiên và “tách” khỏi tự nhiên là hai xu hướng vừa đối lập vừa thống nhất của văn hóa nhân loại nói chung, văn hóa chữ “hiếu” nói riêng. Xã hội càng văn minh càng có xu hướng “tách” khỏi tự nhiên. Chữ “trung” của chính trị là kết quả tất yếu của xu hướng đó. “Trung” với “hiếu” trở thành một cặp “đạo đức”-“chính trị” như hình với bóng. “Hiếu” là “trung” được thu hẹp, “trung” là “hiếu” mở rộng. Nhưng khổ thay xã hội càng văn minh càng làm cho chữ “trung” phi tự nhiên ngày càng “tách” xa khỏi chữ “hiếu” tự nhiên, chữ “hiếu” trở thành phương tiện, và chữ “trung” nghiêm nhiên trở thành mục đích. Có nghĩa là chữ “trung” phi tự nhiên đã tự nhỏ mình ra khỏi gốc rễ của tự nhiên, trở thành *phản tự nhiên*. Nói cách khác là đã đánh mất bản chất của con người. Bất cứ ở thời kỳ nào cũng vậy, nếu nhân loại còn bị che lấp bởi hào quang gọi là văn minh đó thì chẳng khác gì con chim hãnh diện với chiếc lông son của mình.

Quá trình phát triển của Nho giáo trong lịch sử là quá trình thống nhất và đồng thời cũng là quá trình mâu thuẫn giữa chữ “hiếu” và chữ “trung”. Nho giáo từ đời Lê càng ngày càng biến cái phi tự nhiên thành cái *phản tự nhiên*. Khóc hay cười là do lễ giáo từ bên trên quy định chứ không phải do cảm xúc tự nhiên từ bên dưới mà có. Nhưng dẫu sao khóc thuê, khóc mướn phù hợp với lễ giáo còn hơn là không. Bởi vì mọi thứ đều từ trên xuống chứ không phải từ dưới lên. Nói dựa, nói theo lâu ngày

cũng thành thói quen, cần gì phải sáng tạo cho mệt. “Giả dối”, “chủ nghĩa hình thức”, “chủ nghĩa thành tích”... là những đứa con cùng một mẹ. Nếu chúng lại có huyết thống, họ hàng xa gần với đạo đức, khoa học hoặc là văn học, nghệ thuật thì quả là tai ương của xã hội, là căn bệnh nan y từ bên trong của cơ thể hồng hào, khỏe mạnh, nhìn từ bên ngoài. Hình như nguyên nhân xuống cấp của đạo đức, nhằm chấn môn học lịch sử, sáo mòn trong văn học, nghệ thuật... cũng có thể ít nhiều tìm thấy ở đây. Cho nên Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... đều hướng về Nho giáo thời Lý Trần chứ không phải thời Lê, càng không phải thời Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam.

Nho giáo thời Tiên Tần ở Trung Quốc khác với Nho giáo ở các thời kỳ sau cũng chính ở điểm này. Học trò của Khổng Tử hỏi Thầy sao không chịu ra làm quan, Khổng Tử đáp: “Kinh Thư chép: Hiếu! Chỉ cần hiếu để với cha mẹ, anh em, rồi mở rộng ảnh hưởng sang lĩnh vực chính trị”, như vậy cũng là làm chính trị rồi, cần gì phải làm quan mới gọi là tham dự chính trị?” (Thư vân: hiếu hồ duy hiếu, hữu ư huynh đệ, thi ư hữu chính. Thị diệc vi chính, hê kỳ vị vi chính? *Luận ngữ, Vi chính*).

Sách *Luận ngữ* còn chép chuyện đàm đạo giữa thầy trò Khổng Tử như sau: “Thầy trò Khổng Tử ngồi chơi bên bờ sông. Nhân lúc nhàn rỗi, Khổng Tử bèn bảo học trò hãy bày tỏ chí hướng của mình. Ai nấy đều hăng hái nói lên ý chí chính trị kinh bang tế thế. Duy chỉ có Công Tây Hoa vẫn ngồi gẩy đàn chẳng nói gì. Khổng Tử bèn hỏi chí hướng của anh ta. Công Tây Hoa thưa

rằng mùa xuân mát mẻ xuống sông tắm, lên bờ cùng với vài tiểu đồng vừa đi vừa hát trở về nhà... Mọi người đều muốn biết chí hướng của Khổng Tử. Khổng Tử đáp chí hướng của ta cũng giống như Công Tây Hoa vậy” (Ngô dử Điểm dã! *Luận ngữ, Tiên tiến*).

Cũng có thể luận chứng nhiều nữa về điều này, nhưng như vậy cũng tạm đủ để thấy rằng Khổng Tử, người sáng lập ra Nho giáo, xem đạo đức mới là mục đích còn chính trị chỉ là phương tiện.

Tư tưởng của những vĩ nhân thường hay gặp nhau. Khi trả lời phóng viên nước ngoài đề cập đến chí hướng, hình như giữa Hồ Chí Minh và Khổng Tử chẳng khác nhau bao nhiêu:

“Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”.

Hoàn toàn không có gì gọi là xuất thế, tiêu cực ở đây cả. Có ai bảo chủ nghĩa Mác là xuất thế, quay lưng lại với cuộc sống đâu. Nhưng xét đến cùng, chủ nghĩa Mác cũng đâu có xem chính trị là mục đích. Chính trị là sản phẩm của một giai đoạn lịch sử nào

đó, nó sẽ mất đi cùng với giai cấp và nhà nước. Chỉ có đạo đức-tự nhiên mới vĩnh hằng cùng với nhân loại chừng nào nhân loại còn tồn tại. “Đạo đức-tự nhiên” hay đạo đức khi xã hội loài người không còn giai cấp, không còn nhà nước (đương nhiên là không còn chính trị) thì đó mới là đạo đức chân chính của nhân loại:

“Và cũng như xã hội cho tới nay đã phát triển trong sự đối lập giai cấp, đạo đức luôn luôn là đạo đức giai cấp; cho nên hoặc giả nó bênh vực sự thống trị và lợi ích của giai cấp thống trị, hoặc giả, khi giai cấp bị trị đã trở nên khá mạnh, thì nó tiêu biểu cho sự nổi dậy chống kẻ thống trị và tiêu biểu cho lợi ích tương lai của những người bị áp bức. Do đó, không ai nghi ngờ được rằng, nói chung đã có một sự tiến bộ về mặt đạo đức cũng như về tất cả các ngành tri thức khác của nhân loại. Nhưng chúng ta vẫn chưa vượt được qua khuôn khổ cái đạo đức giai cấp. Một nền đạo đức thực sự có tính nhân đạo, đặt lên trên sự đối lập giai cấp và lên trên mọi hỗi ức về sự đối lập ấy, chỉ có thể có được khi nào xã hội đã tới một trình độ mà người ta không những đã thắng được mà lại còn quên được trong thực tiễn của đời sống, sự đối lập giai cấp” (Ph. Ăngghen, 1976, tr. 156).

Truyền thống-hiện đại, phương Đông-phương Tây thống nhất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Tất cả vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Paul Mass nhận xét:

“Cụ Hồ đúng là một kiểu người Việt Nam gắn bó với quê hương, mang nặng tình thân gia đình, quan tâm đến mùa màng và hết lòng vì tập thể... Cụ Hồ nổi lên như là người

Á châu nhất của Á châu, nhưng lại là người đã dễ dàng tiếp xúc nhất với tinh thần của Âu châu”⁽¹⁰⁾.

Âu châu hay phương Tây nói chung, đâu phải không xem trọng gia đình. Người ta cho rằng gia đình không những quan trọng trong quá khứ, hiện tại và cả trong tương lai. Trong tương lai gia đình sẽ có ba chức năng, đó là “sản xuất” ra con người, giáo dục con người và là cơ sở sản xuất của xã hội. Con người là con người xã hội, để thành người, con người phải trải qua ba lần xã hội hóa: gia đình, nhà trường và xã hội. Nên nhớ, gia đình là khâu xã hội hóa đầu tiên quan trọng nhất. Nhưng quan niệm về “xã hội hóa” của phương Đông và phương Tây không giống nhau. Gia đình, theo cách nhìn của phương Tây, là một đơn vị sản xuất, là gia đình “kinh tế”. Cho nên tương ứng với nó là chính trị-pháp luật, chứ không phải chính trị-đạo đức. Ở phương Đông, đạo đức từ gia đình ra ngoài xã hội, ở phương Tây, pháp luật từ xã hội đi vào gia đình. Mà pháp luật là gì? Từ lâu Platon đã cho rằng “pháp luật là đạo đức không có tình cảm”. Đạo đức phương Đông “định hướng” chữ “hiếu” theo tình cảm là chính chứ không phải là kinh tế. Học trò của Khổng Tử hỏi thầy về chữ “hiếu”. Thầy trả lời rằng cái khó nhất của chữ “hiếu” không phải chỉ là phụng dưỡng cha mẹ về vật chất mà là tình cảm. Nếu không thì có khác gì nuôi con chó, con ngựa? (Chí ư khuyến, mã giai năng hữu dưỡng. Bất kính hà dĩ biệt hồ? *Luận ngữ, Vi chính*). Người Việt Nam nặng về tình nghĩa, mất gì thì mất chữ tình nghĩa thì còn mãi. “Nghĩa” ở đây không đồng nhất với cái gọi là “nghĩa vụ”. “Nghĩa vụ” có tính bắt buộc, là *phải*, cho nên thuộc

về phạm vi của luật pháp. “Nghĩa” là *nên* (Sách *Trung dung* chép: nghĩa giả, nghi giả), là tự nguyện (Sách *Thuyết văn* chép: nghi, sở an dã), thuộc phạm vi đạo đức. Cho nên “hiếu” và “nghĩa” gắn với đạo đức-tự nhiên hơn. Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến truyền thống “tình-nghĩa” của dân tộc, xem đó như là mục đích mà chủ nghĩa Mác-Lênin cần hướng tới: “Hiếu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống với nhau không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiếu chủ nghĩa Mác-Lênin được?”.

“Mấy chục năm nay, nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác-Lênin bằng cách ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa” (Hồ Chí Minh, 1977, tr. 109).

“Tình” và “nghĩa” đó trước hết phải được thể hiện ở khâu “xã hội hóa” đầu tiên, tức là gia đình. Có thương yêu cha mẹ thì mới yêu Tổ quốc. Người Việt Nam thường gọi “quê cha, đất Tổ”. Tình yêu bắt đầu từ gần đến xa chứ không phải từ xa đến gần. Nếu đem cái xa thay thế cho cái gần, đem đồng tiền làm kim chỉ nam cho cả tình lẫn nghĩa thì điếm đến e rằng không phải là Thiên đàng!

Nói đến chữ “hiếu” là nói đến việc đối xử với cha mẹ nói riêng, với người cao tuổi nói chung. “Hiếu” mà không quan tâm đến đời sống vật chất của cha mẹ hay người cao tuổi thì sao gọi là “hiếu”. Nhưng đó cũng chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ. Tâm lý học hiện đại từ lâu đã nói đến nhu cầu tâm lý của con người không phải chỉ có nhu cầu về thể xác mà còn có nhu cầu về cảm giác an toàn, về giao tiếp, về được tôn trọng và về được tự thể hiện.

Nước Áo đã dành điều kiện vật chất tốt nhất cho viện dưỡng lão, nhưng tỉ lệ người cao tuổi tự tử lại cao nhất châu Âu, đó chẳng phải là điều đáng suy nghĩ sao? “Hiếu”, “kính” xuất phát từ nội tâm chứ không phải chỉ ở bên ngoài. Cho nên “xóa đói, giảm nghèo”, cho dù vẫn đang cố gắng thực hiện, nhưng cũng nên xem đó chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ.

Chữ “hiếu” có cái “lý” của nó bởi vì nó dựa vào gốc rễ tự nhiên, đồng thời *nâng* con người lên khỏi tự nhiên. Nhưng một khi nó chỉ là công cụ của quyền lực thì lại *hạ* con người xuống, biến thành “ngu trung”, “ngu hiếu”, hòa tan cá nhân trong cộng đồng. Chừng nào nó còn tồn tại hoặc tồn tại dưới biến tướng nào khác (trong kinh tế thị trường ở phương Tây từ lâu đã không còn bóng dáng của nó) thì chừng đó cũng chớ xem thường lực cản vô hình của nó. Chữ “hiếu” có hai mặt, có lẽ không vì mặt kia của nó mà bỏ mất mặt này. Dẫu sao, chữ “hiếu” còn thì gia đình phương Đông còn, chữ “hiếu” mất thì gia đình phương Đông cũng mất. *Nước* và *Nhà* xưa nay luôn cùng một “kênh”. “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo sở dĩ trở thành động lực mạnh mẽ của tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm của quân dân Việt Nam thời Trần là vì đã gắn liền *Nước* với *Nhà*. Từ xưa đến nay chưa bao giờ tế bào hư hỏng lại có thể tạo thành cơ thể khỏe mạnh cả! □

CHÚ THÍCH:

⁽¹⁾ Cũng có ý kiến cho rằng cốt lõi của Nho giáo là “lễ” 礼, là “trung dung” 中庸, là “hòa” 和...

⁽²⁾ Có ý kiến cho rằng ngay từ thời Phục hưng người ta đã phát hiện từ nguyên của chữ “tội” (Sin) vốn xuất phát từ tiếng Hy Lạp

“Harmatia”, có nghĩa là (bản cung) “trượt mục tiêu”. Nhằm chỉ ra mâu thuẫn giữa ý muốn và việc làm. Người bản cung bao giờ cũng muốn bản trúng mục tiêu nhưng ngay động tác từ đầu đã vi phạm lại cái mà họ muốn. Ông Adam bà Eve muốn biết “thiện-ác”, “đúng-sai” nhưng ngay từ đầu, hành vi ăn quả cấm đã sai rồi. “Dục vọng” và thỏa mãn “dục vọng” là mâu thuẫn thuộc về bản chất bất biến của con người. Tội lỗi từ đây mà ra.

(3) Phan Bội Châu cắt nghĩa chữ “ngụy” 伪 ở đây không phải là “giả tạo” mà có nghĩa là do con người tu dưỡng mà có được. Xem *Khổng học đặng*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1957, tr. 657.

(4) James Legge dịch chữ “hiếu” là “filial”. Chẳng hạn, câu “Ba năm không thay đổi đạo của cha gọi là hiếu” (Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hỹ), dịch là: “If for three years he does not alter from the way of his father, he may be called filial”.

(5) *Nghiên cứu văn hóa chữ hiếu (Hiếu văn hóa nghiên cứu)*, Hồ Bắc nhân dân xuất bản xã, 2007, tr. 127.

(6) Có ý kiến cho rằng chữ “kinh” 经 của *Hiếu kinh* không phải là “kinh sách” mà là “thiên kinh địa nghĩa”, là chân lý muôn thuở. Cho nên không dịch là Book. Nếu vậy thì *Hiếu kinh* có nên dịch là Book of Filial piety?

(7) “Thập ác” trong hình luật của Trung Quốc bao gồm: 1) Phẫn nghịch, 2) Đại nghịch, 3) Phẫn, 4) Hàng, 5) Ác nghịch, 6) Bất đạo, 7) Bất kính, 8) Bất hiếu, 9) Bất nghĩa, 10) Nội loạn. “Thập ác” trong luật Hồng Đức cơ bản giống như trên: 1) Mưu phẫn, 2) Mưu đại nghịch, 3) Mưu chống đối (mưu phẫn theo giặc), 4) Ác

ngịch, 5) Bất đạo, 6) Đại bất kính, 7) Bất hiếu, 8) Bất mục, 9) Bất nghĩa, 10) Nội loạn.

Như vậy Luật Hồng Đức có điều luật “Bất mục” nhưng lại không có điều luật “hàng” (đầu hàng giặc). Có lẽ điều đó đã có ở trên rồi.

(9) Theo Tăng Thiệu Vũ..., *Nguồn gốc đưa chữ hiếu vào pháp luật và biểu hiện của pháp luật thời cổ đại*, (Cổ đại nạp hiếu nhập pháp đích lịch sử bản nguyên cập pháp luật biểu hiện), <http://www.zhwhy.com>.

(9) Tự Đức nổi tiếng là vị vua có hiếu. Chữ “tự” 嗣 (kế tục, nối tiếp) có lẽ cũng theo nghĩa đó. Khổ thay Nho giáo quan niệm rằng bất hiếu lớn nhất là không có con (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại). Quả thật oái ăm thay cho Tự Đức bởi vì nhà vua nổi tiếng hiếu thảo này bản thân lại không có con. Không những vậy mà chữ “đễ” 弟 của Tự Đức cũng bị thiên hạ nghi ngờ nốt, bởi vì ông đã giết hại cả người anh cùng cha khác mẹ.

(10) Trích theo tạp chí *Văn hiến Việt Nam*, số 5(49)/2005.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kim Lương Niên. 1995. *Mạnh Tử chú thích*. Trung Quốc: Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, tr. 167.
2. Hồ Chí Minh. 1977. *Về công tác văn hóa văn nghệ*. Hà Nội: Nxb Sự thật, tr. 109.
3. Ph. Ăngghen. 1976. *Chống Duy-Rinh*. Hà Nội: Nxb. Sự thật, tr. 156.
4. Phan Bội Châu. 1957. *Khổng học đặng*. Huế: Nxb. Anh Minh, tr. 153-154.